

HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN***(Ban hành kèm theo quyết định số 146/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 04/5/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)***NGÀY THI: 25/4/2020**

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/12/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	CNTT/20/0901	DBG00925	Đạt	
2	CNTT02	Nguyễn Thị	Bình	27/06/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	CNTT/20/0902	DBG00924	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Thị	Cúc	05/11/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	CNTT/20/0903	DBG00923	Đạt	
4	CNTT05	Lại Văn	Đông	25/02/1965	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	8,0	CNTT/20/0904	DBG00922	Đạt	
5	CNTT06	Đặng Thị	Hà	26/04/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	CNTT/20/0905	DBG00921	Đạt	
6	CNTT07	Lưu Thị	Hà	21/10/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	7,5	CNTT/20/0906	DBG00920	Đạt	
7	CNTT08	Ngọc Thanh	Hải	10/05/1994	Bắc Giang	Tày	Kinh	7,2	6,5	CNTT/20/0907	DBG00919	Đạt	
8	CNTT09	Lê Đức	Hạnh	27/10/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	7,0	CNTT/20/0908	DBG00918	Đạt	
9	CNTT10	Trần Thị Hồng	Hạnh	02/05/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,0	CNTT/20/0909	DBG00917	Đạt	
10	CNTT12	Nguyễn Đình	Hậu	13/02/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	7,0	CNTT/20/0910	DBG00916	Đạt	
11	CNTT13	Nguyễn Thị	Hiên	16/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	CNTT/20/0911	DBG00915	Đạt	
12	CNTT14	Hoàng Tiến	Hòa	04/11/1995	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,5	CNTT/20/0912	DBG00914	Đạt	
13	CNTT15	Trần Anh	Quang	02/01/1994	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	CNTT/20/0913	DBG00913	Đạt	
14	CNTT16	Đặng Thị Lê	Trang	23/12/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	CNTT/20/0914	DBG00912	Đạt	
15	CNTT18	Nguyễn Thị Nam	Hợp	22/03/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	CNTT/20/0915	DBG00911	Đạt	
16	CNTT19	Nguyễn Thị	Huệ	10/03/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	CNTT/20/0916	DBG00910	Đạt	
17	CNTT20	Phạm Trí	Huy	12/04/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	7,0	CNTT/20/0917	DBG00909	Đạt	
18	CNTT21	Trần Văn	Huy	01/12/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	6,5	CNTT/20/0918	DBG00908	Đạt	
19	CNTT22	Phạm Thu	Huyền	12/11/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	CNTT/20/0919	DBG00907	Đạt	
20	CNTT23	Trần Thị	Hương	30/12/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	CNTT/20/0920	DBG00906	Đạt	
21	CNTT25	Nguyễn Văn	Kha	08/09/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	CNTT/20/0921	DBG00905	Đạt	
22	CNTT26	Vũ Thị	Khải	07/11/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	CNTT/20/0922	DBG00904	Đạt	
23	CNTT27	Nguyễn Văn	Khanh	10/06/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	CNTT/20/0923	DBG00903	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT28	Nguyễn Thị	Khương	11/12/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	CNTT/20/0924	DBG00902	Đạt	
25	CNTT30	Trần Thị	Lệ	23/02/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	CNTT/20/0925	DBG00901	Đạt	
26	CNTT31	Dương Thùy	Liên	26/03/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	CNTT/20/0926	DBG00900	Đạt	
27	CNTT32	Trần Công	Minh	22/07/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	CNTT/20/0927	DBG00899	Đạt	
28	CNTT33	Đặng Ngọc	Anh	18/08/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	CNTT/20/0928	DBG00898	Đạt	
29	CNTT34	Nông Văn	Hạnh	22/10/1985	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,0	CNTT/20/0929	DBG00897	Đạt	
30	CNTT35	Nguyễn Thị	Hiền	11/09/1976	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	CNTT/20/0930	DBG00896	Đạt	
31	CNTT36	Dương Quế	Hương	10/06/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	CNTT/20/0931	DBG00895	Đạt	
32	CNTT37	Nguyễn Văn	Nam	20/03/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	CNTT/20/0932	DBG00894	Đạt	
33	CNTT38	Trương Thị	Năm	28/10/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	CNTT/20/0933	DBG00893	Đạt	
34	CNTT39	Đinh Thị Minh	Nhâm	12/07/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	6,0	CNTT/20/0934	DBG00892	Đạt	
35	CNTT40	Trần Thị	Nhật	21/08/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	CNTT/20/0935	DBG00891	Đạt	
36	CNTT41	Nguyễn Thị	Nhung	23/10/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	CNTT/20/0936	DBG00890	Đạt	
37	CNTT42	Bùi Thị	Nhường	05/08/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	CNTT/20/0937	DBG00889	Đạt	
38	CNTT43	Ngọc Thị	Nụ	18/07/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	CNTT/20/0938	DBG00888	Đạt	
39	CNTT44	Lê Văn	Phúc	13/10/1980	Hưng Yên	Nam	Kinh	7,2	6,5	CNTT/20/0939	DBG00887	Đạt	
40	CNTT45	Nguyễn Thị	Phương	24/12/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,5	CNTT/20/0940	DBG00886	Đạt	
41	CNTT46	Vi Thị	Phương	02/08/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,5	CNTT/20/0941	DBG00885	Đạt	
42	CNTT47	Nông Thị	Phượng	15/01/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	CNTT/20/0942	DBG00884	Đạt	
43	CNTT48	Đàm Văn	Quất	15/09/1986	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	CNTT/20/0943	DBG00883	Đạt	
44	CNTT49	Chu Thị Thanh	Quỳnh	12/11/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	CNTT/20/0944	DBG00882	Đạt	
45	CNTT51	Nguyễn Văn	Thái	21/07/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	CNTT/20/0945	DBG00881	Đạt	
46	CNTT52	Phạm Thanh	Thảo	05/01/1971	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	CNTT/20/0946	DBG00880	Đạt	
47	CNTT53	Trần Thị Phương	Thảo	04/11/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,0	CNTT/20/0947	DBG00879	Đạt	
48	CNTT54	Nguyễn Sĩ	Thọ	12/10/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	7,5	CNTT/20/0948	DBG00878	Đạt	
49	CNTT55	Phan Huy	Thông	17/09/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	6,5	CNTT/20/0949	DBG00877	Đạt	
50	CNTT56	Phạm Thị	Thu	08/03/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	CNTT/20/0950	DBG00876	Đạt	
51	CNTT57	Nguyễn Thị Diệu	Thúy	15/10/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	CNTT/20/0951	DBG00875	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Điểm		Số vào sổ	Số hiệu	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
52	CNTT58	Nguyễn Thị Minh	Thư	02/09/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,5	CNTT/20/0952	DBG00874	Đạt	
53	CNTT59	Giáp Thị	Thương	20/11/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	6,5	CNTT/20/0953	DBG00873	Đạt	
54	CNTT60	Nguyễn Tiến	Trung	25/08/1987	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,7	8,5	CNTT/20/0954	DBG00872	Đạt	
55	CNTT61	Nguyễn Văn	Trường	10/03/1980	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	6,5	CNTT/20/0955	DBG00871	Đạt	
56	CNTT62	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	31/07/1974	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	CNTT/20/0956	DBG00870	Đạt	
57	CNTT63	Hoàng Thị	Vân	21/07/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,7	8,0	CNTT/20/0957	DBG00869	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 57

Bắc Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

THƯ KÝ

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang